**MỆNH ĐỀ VÀ PHỦ ĐỊNH CỦA MỘT MỆNH ĐỀ - LỚP 10A1**

**DẠNG 1 : TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN**

1. Câu nào trong các câu sau không phải là mệnh đề?

**A.**  có phải là một số vô tỷ không? **B.** .

**C.**  là một số hữu tỷ. **D.** .

1. Trong các câu sau, có bao nhiêu câu là mệnh đề?

a) Cố lên, sắp đói rồi! b) Số 15 là số nguyên tố.

c) Tổng các góc của một tam giác là  d)  là số nguyên dương.

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

1. Cho mệnh đề chứa biến  với  là số tự nhiên. Mệnh đề nào sau đây **sai**?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. Cho mệnh đề chứa biến  với là số thực. Mệnh đề nào sau đây là **đúng**?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. Trong những câu sau, câu nào là mệnh đề chứa biến?

**A.** 18 chia hết cho 9.

**B.**  chia hết cho 9.

**C.**  là số nguyên tố.

**D.** Nếu một số chia hết cho 18 thì số ấy chia hết cho 9.

1. Cho mệnh đề  là số nguyên tố. Mệnh đề phủ định của mệnh đề  là

**A.**  không phải là số hữu tỷ. **B.**  là số nguyên.

**C.**  không phải là số nguyên tố. **D.**  là hợp số.

1. Mệnh đề phủ định của mệnh đề “Phương trình  vô nghiệm” là mệnh đề nào sau đây?

**A.** Phương trình  có nghiệm.

**B.** Phương trình  có 2 nghiệm phân biệt.

**C.** Phương trình  có nghiệm kép.

**D.** Phương trình  không có nghiệm.

1. Cho mệnh đề “phương trình  có nghiệm”. Mệnh đề phủ định của mệnh đề đã cho và tính đúng, sai của mệnh đề phủ định là:

**A.** Phương trình  có nghiệm. Đây là mệnh đề đúng.

**B.** Phương trình  có nghiệm. Đây là mệnh đề sai.

**C.** Phương trình  vô nghiệm. Đây là mệnh đề đúng.

**D.** Phương trình  vô nghiệm. Đây là mệnh đề sai.

1. Cho mệnh đề: “”. Mệnh đề phủ định của mệnh đề trên là

**A.** . **B.** .

**C.** . **D.** .

1. Phủ định của mệnh đề: “ không chia hết cho 3” là:

**A.** “ chia hết cho 3”. **B.** “ không chia hết cho 3”.

**C.** “ chia hết cho 3”. **D.** “ không chia hết cho 3”.

1. Phủ định của mệnh đề: “ là số dương” là:

**A.** “ là số không dương” **B.** “ là số âm”

**C.** “ là số dương” **D.** “ là số dương”

**Câu 12.** Cho mệnh đề “”. Hỏi mệnh đề nào là mệnh đề phủ định của mệnh đề trên?

**A.** . **B.** .

**C.** . **D.** .

**Câu 13.** Mệnh đề phủ định của mệnh đề:  là

**A.** . **B.** .

**C.** . **D.** .

**Câu 14.** Tìm mệnh đề phủ định của mệnh đề .

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 15.** Mệnh đề phủ định của mệnh đề “” là

**A.** “”. **B.** “”.

**C.** “”. **D.** “”.

**Câu 16.** Mệnh đề nào sau đây **đúng**?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 17.** Mệnh đề nào sau là mệnh đề **sai**?

**A.** . **B.**  **C.** . **D.**  thì .

**Câu 18.** Trong các mệnh đề sau, mệnh đề nào **sai**?

**A.** ,  chia hết cho . **B.** ,  chia hết cho .

**C.** Tồn tại số nguyên tố chia hết cho . **D.** , .

1. Mệnh đề nào sau là mệnh đề **sai**?

**A.** . **B.**  **C.** . **D.**  thì .

1. Tìm mệnh đề **đúng**.

**A.**  **B.** 

**C.** . **D.** 

**DẠNG 2 : TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI**

1. Hãy xác định tính đúng sai của mỗi mệnh đề sau:

a) A: "Năm 2010 là năm nhuận".

b) B: “31 là số nguyên tố".

c) : "Mùa xuân bắt đầu từ tháng 6 và kết thúc vào tháng 9".

d) Q: "Hình thoi là hình có bốn cạnh bằng nhau".

1. Cho mệnh đề : "" với  là các số thực. Với mỗi giá trị thực của  sau đây, ta nhận được mệnh đề đúng hay sai?

a) . b) . c) . d) .

1. Xét tính đúng, sai của các mệnh đề sau:

a) . b) 24 chia hết cho 2 và cho 12.

c)  d)  là số vô tỉ.

1. Cho biết tính đúng sai của mỗi mệnh đề sau.

a) 20 chia hết cho 4.

b) Tổng hai cạnh trong một tam giác lớn hơn cạnh thứ ba của tam giác đó.

c) 12 là một số chính phương.

d) Tích của ba số tự nhiên liên tiếp luôn chia hết cho 3.

1. Cho biết tính đúng sai của mỗi mệnh đề sau.

a) Nếu số  chia hết cho 3 thì  chia hết cho 6.

b) Nếu  cân tại  thì  có .

c) Tứ giác  là hình vuông khi và chỉ khi  là hình chữ nhật và có  vuông góc với .

d) .

1. Xét tính đúng, sai của mỗi mệnh đề sau.

a) Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.

b) Hai tam giác có hai cặp cạnh bằng nhau kèm giữa một cặp góc bằng nhau thì bằng nhau.

c) Hai tam giác có hai cặp góc bằng nhau thì bằng nhau.

d) Một số chia hết cho 3 khi và chỉ khi tổng các chữ số chia hết cho 3.

1. Xét tính đúng (sai) của các mệnh đề sau

a) . b)  chia hết cho 4.

c) . d) .

1. Xét tính đúng, sai của mỗi mệnh đề sau.

a) . b) .

c)  chia hết cho 2. d)  không chia hết cho 3.

1. Xét tính đúng, sai của mỗi mệnh đề sau.

a) . b)  và  là các số nguyên tố.

c) . d) .

1. Xét tính đúng sai của các mệnh đề sau:

a) .

b) .

c) .

d) .

1. Xét tính đúng sai của các mệnh đề sau:

a) . b) .

c) . d) .

1. Xét tính đúng (sai) của các mệnh đề sau

a) . b)  chia hết cho 4.

c) . d) .

1. Xét tính đúng, sai của các mệnh đề sau:

a)  không phải là một số vô tỉ.

b) Phương trình  vô nghiệm.

c) Hàm số bậc hai  có đồ thị là parabol với tọa độ đỉnh là .

d)  và  là hai số nghịch đảo của nhau.

**==============================**